



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Dịch vụ Vận tải và Thương mại

Ngày 31/03/2025	20,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	21.2%	11.1%	17.0%

DT thuần Q1/25
0.94
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.05 5.3%
YoY: ▼ 0.03 -3.4%

LN thuần Q1/25
1.13
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.27 31.7%
YoY: ▲ 0.56 98.7%

LN sau thuế Q1/25
0.90
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.22 32.5%
YoY: ▲ 0.69 329%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
121%
YoY: +/- ▲ 23.1%

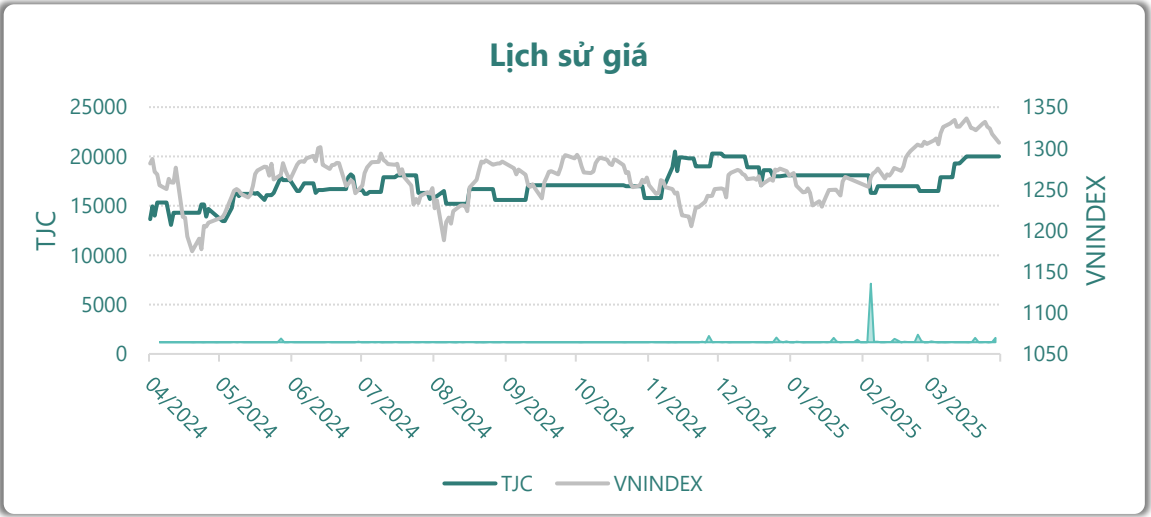
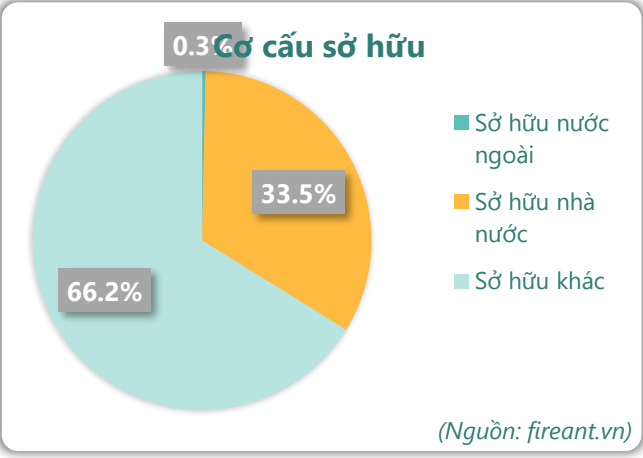
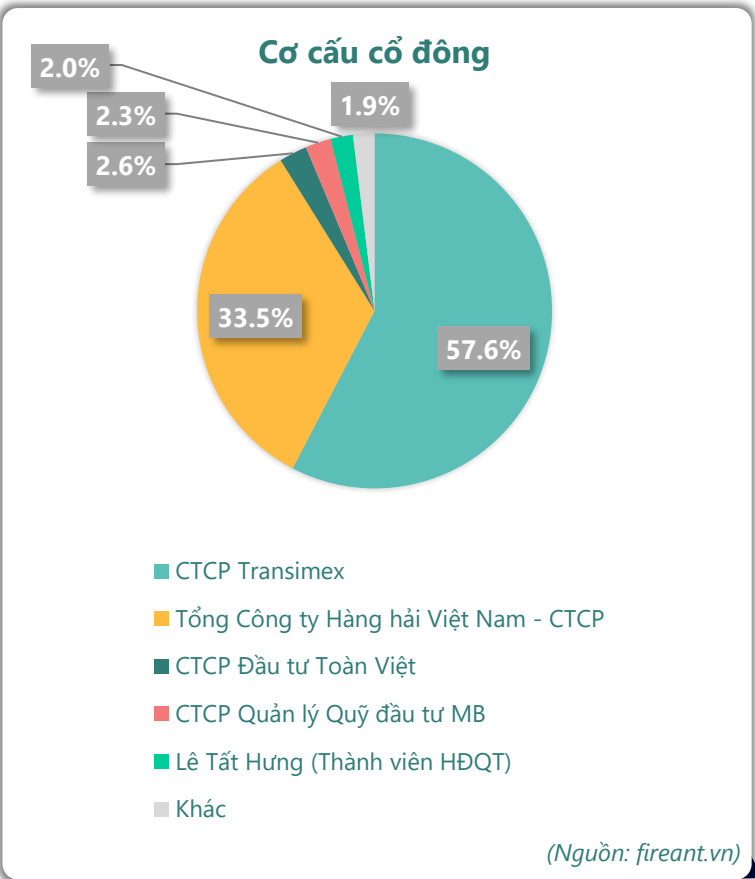
ROE (TTM) Q1/25
1.6%
YoY: +/- ▲ 0.4%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	13,069 - 20,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	172
Số lượng CPLH (CP)	8,600,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	15
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	
EPS	331
P/E	60.4

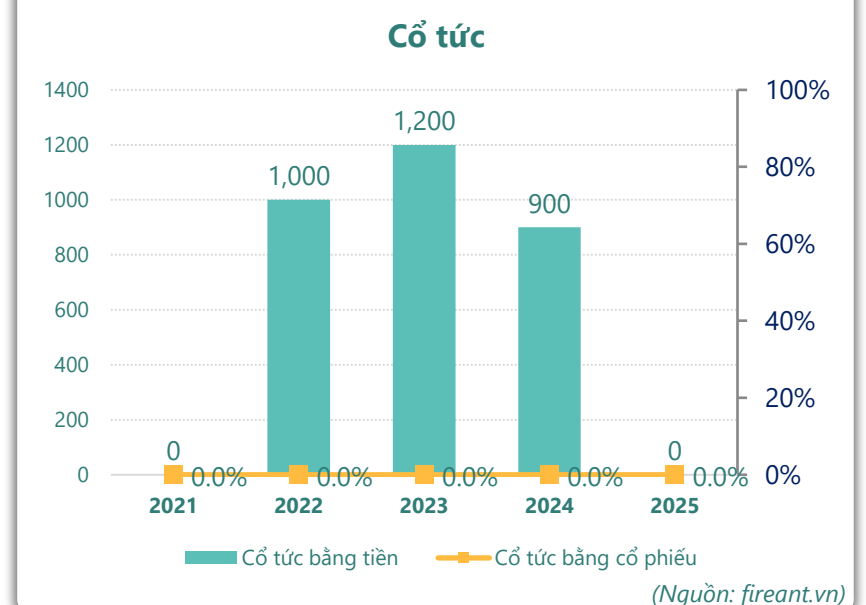
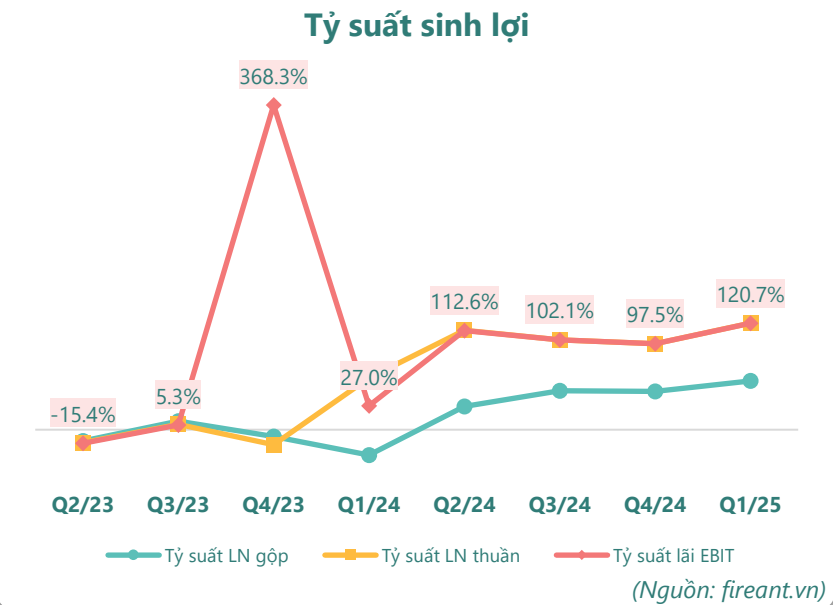
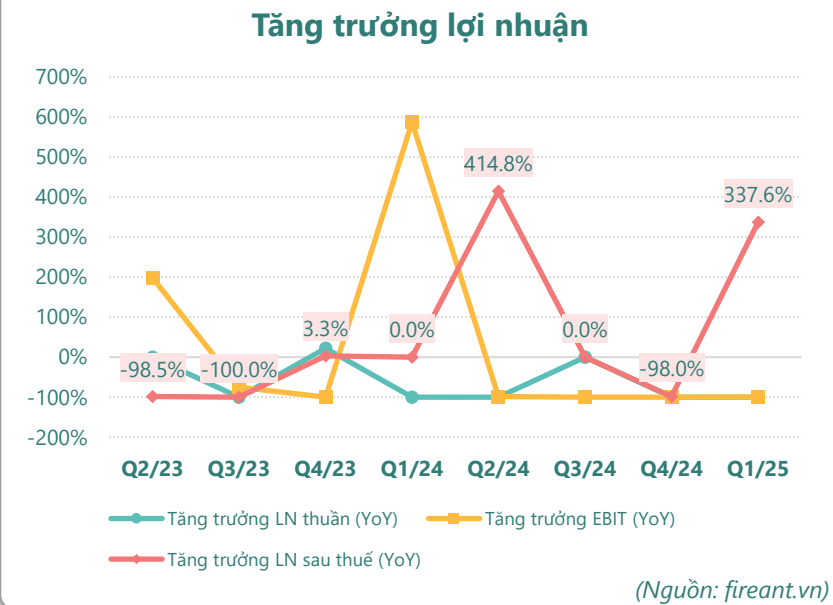
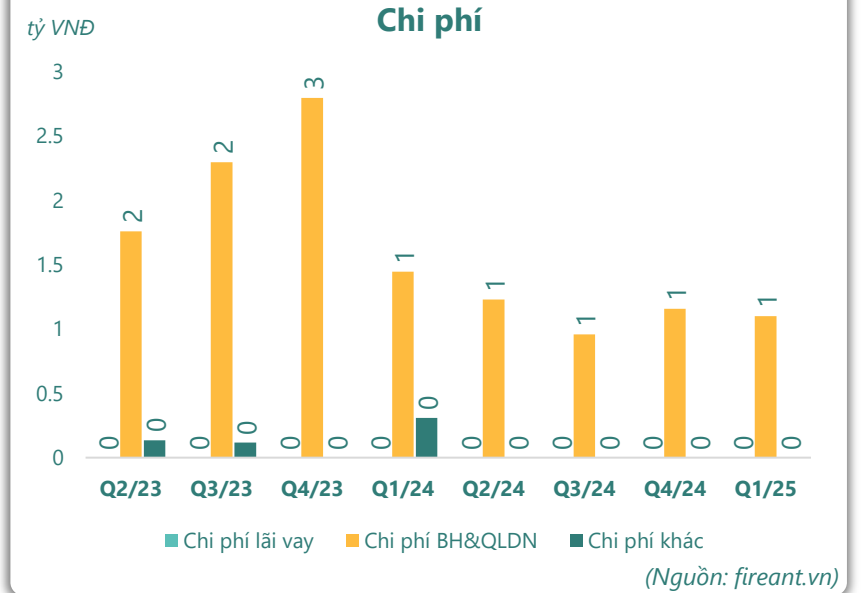
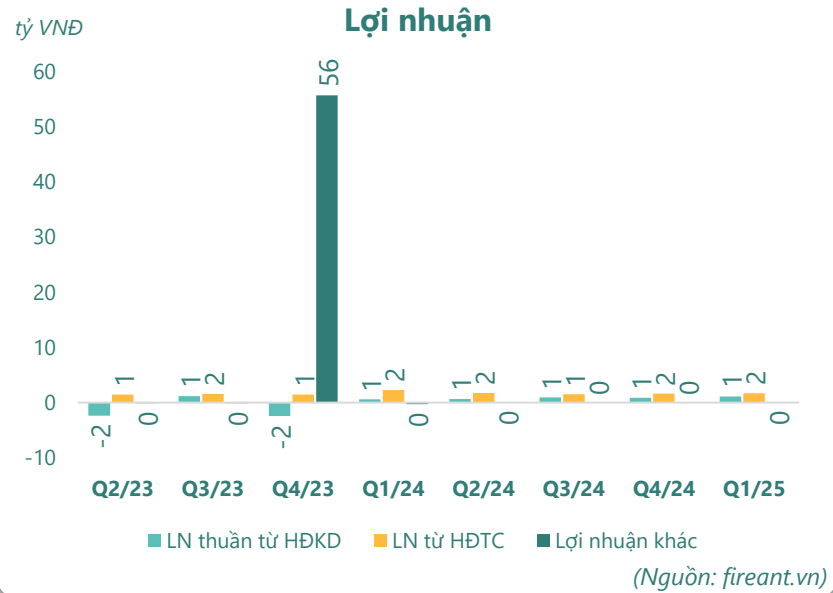
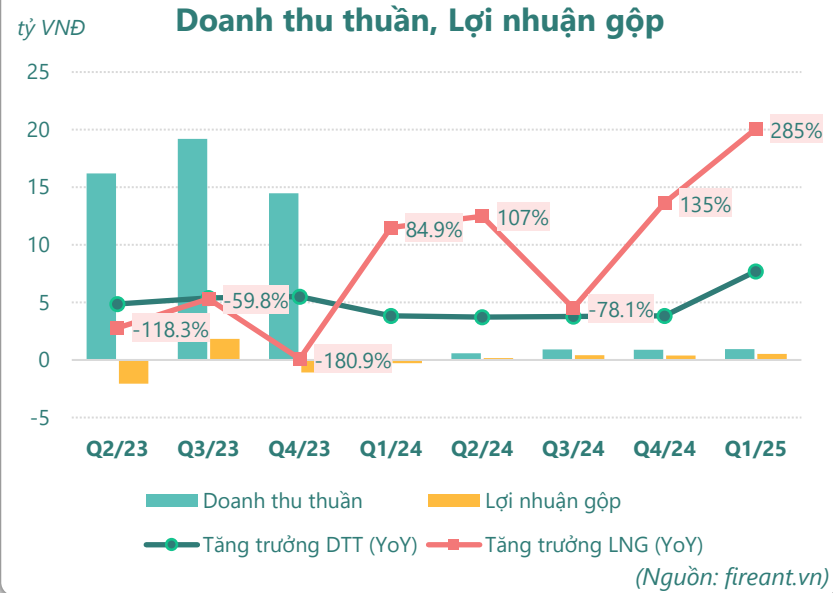
DT thuần 2024
3.34
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 62.1 -94.9%

LN thuần 2024
3.01
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.59 154%

LN sau thuế 2024
2.15
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 37.9 -94.6%



KẾT QUẢ KINH DOANH

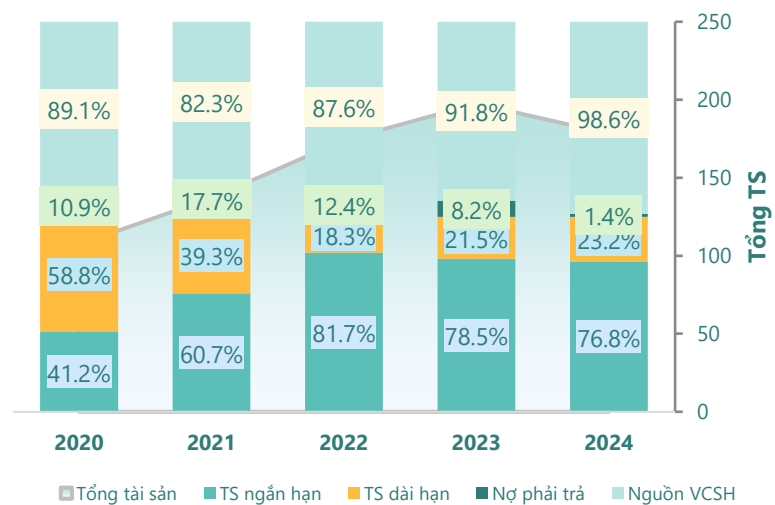




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

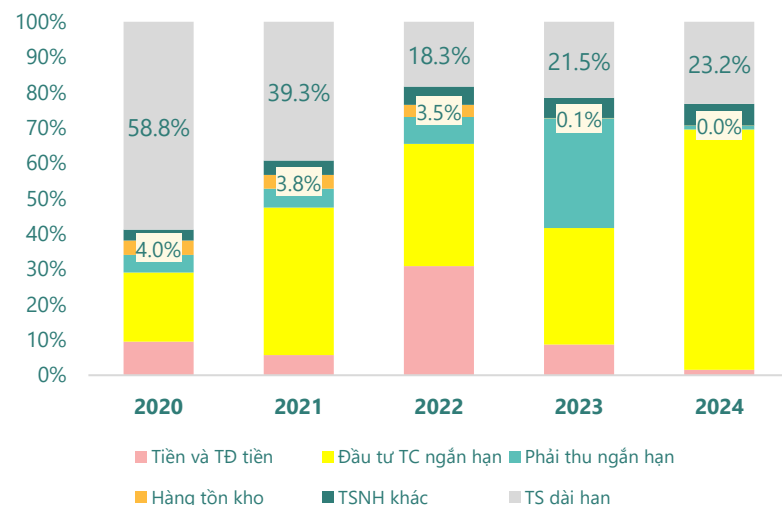
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

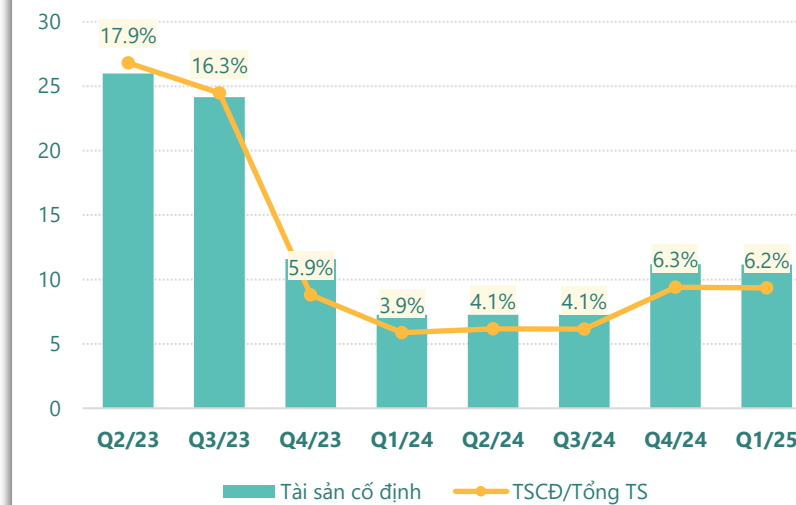
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

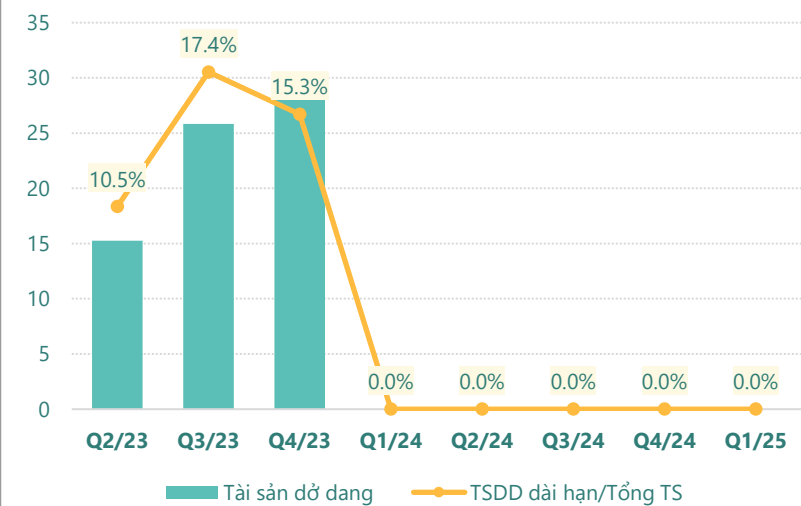
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

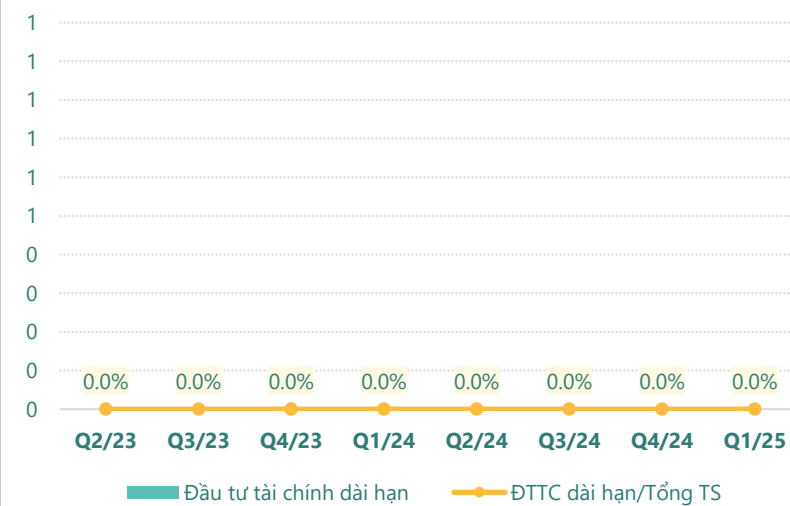
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

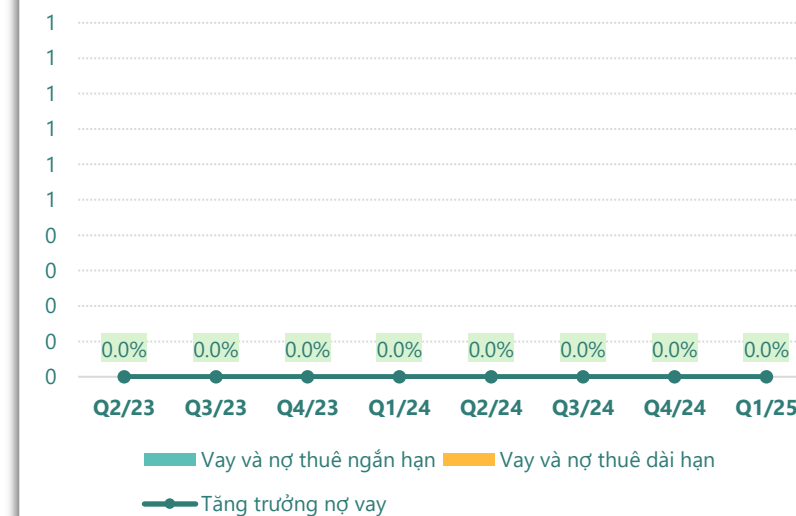
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

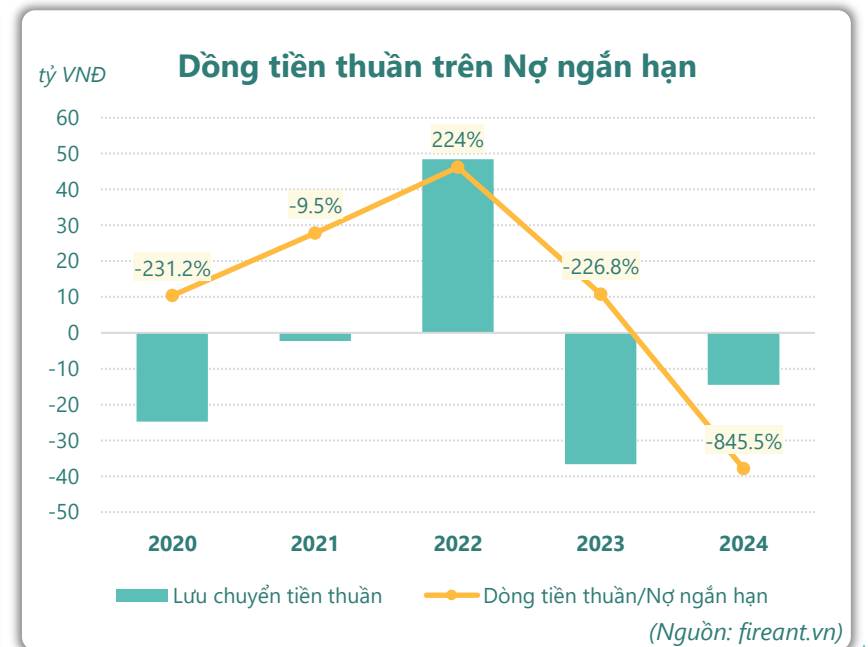
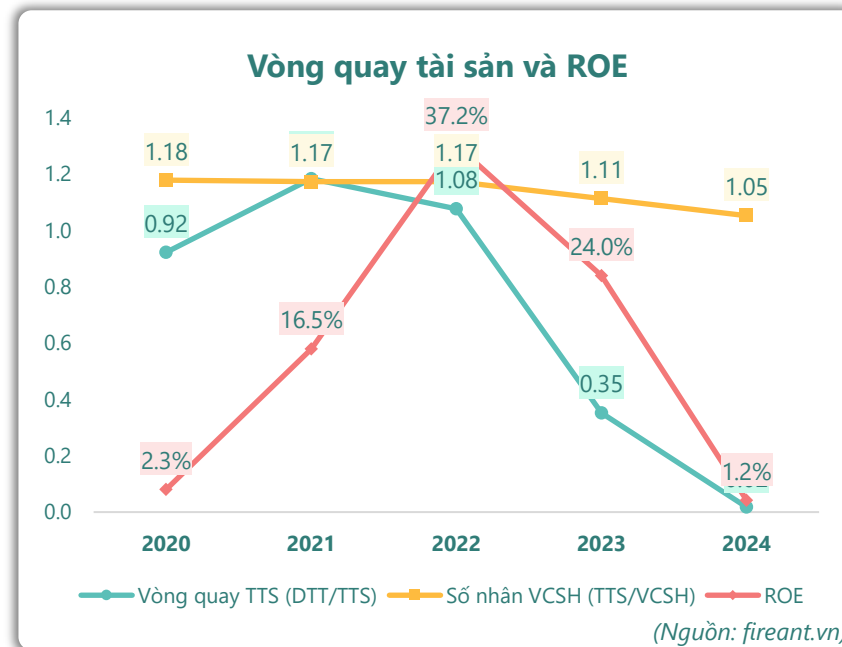
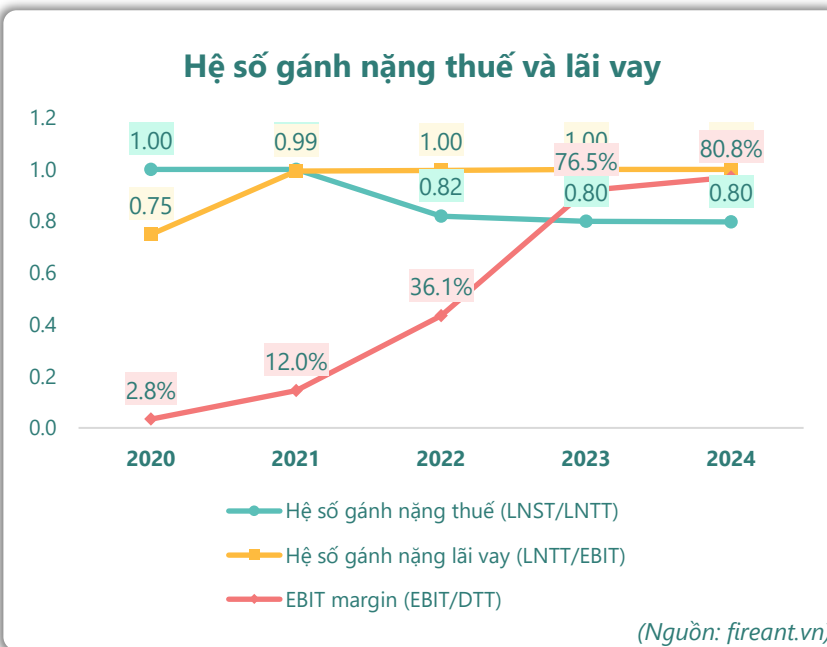
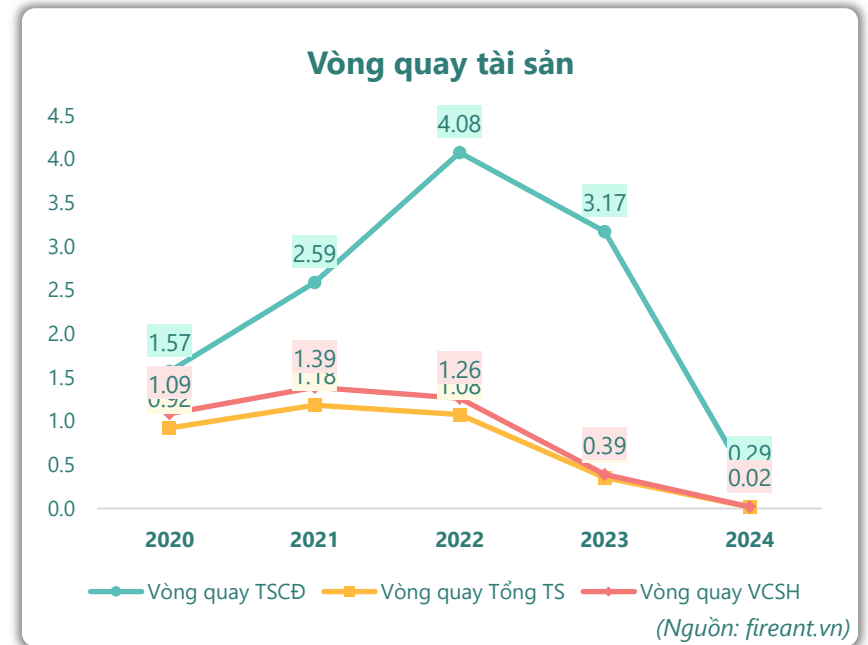
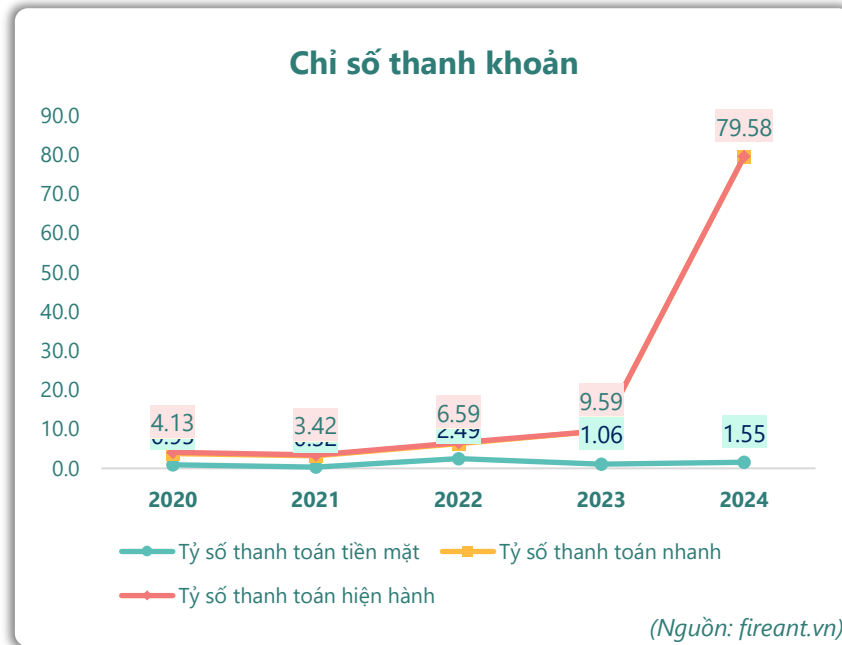
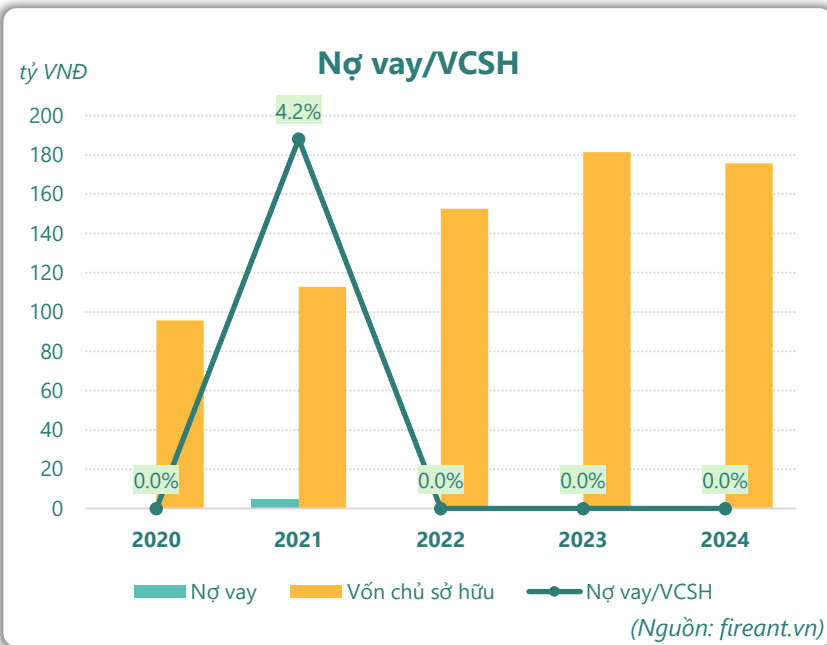
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	0.94	0.97	-3.4%	3.34	65.4	-94.9%
Giá vốn hàng bán	0.42	1.25	-66.5%	2.68	68.6	-96.1%
Lợi nhuận gộp	0.52	-0.28	285%	0.66	-3.17	121%
Doanh thu HĐTC	1.71	2.30	-25.5%	7.15	5.91	20.9%
Chi phí TC	0	0.00		0	0.04	-100%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.03	0.00		0.10	0.98	-89.5%
Chi phí QLDN	1.07	1.45	-26.5%	4.69	7.31	-35.9%
LN thuần từ HĐKD	1.13	0.57	98.7%	3.01	-5.58	154%
Lợi nhuận khác	0.00	-0.31	99.3%	-0.31	55.7	-101%
LN trước thuế	1.13	0.26	335%	2.70	50.1	-94.6%
Lợi nhuận sau thuế	0.90	0.21	329%	2.15	40.0	-94.6%
LNST của CĐ cty mẹ	0.90	0.21	329%	2.15	40.0	-94.6%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	-10.2	0.19	0.89	-0.40	-0.63
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	1.32	3.08	1.41	-3.08	0.04
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-7.74	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0	17.1	8.24	3.84	6.14	2.66
Lưu chuyển tiền thuần	0	-8.90	-4.47	2.30	-3.48	-0.59
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.06	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	0	8.24	3.84	6.14	2.66	2.07

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	179	178	0.4%
Tài sản ngắn hạn	138	137	0.7%
Tiền và tương đương tiền	2.07	2.66	-22.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	123	121	1.3%
Phải thu ngắn hạn	2.22	2.16	3.2%
Hàng tồn kho	0.08	0.08	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	10.7	10.8	-1.0%
Tài sản dài hạn	41.1	41.4	-0.7%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	11.2	11.2	-0.2%
Bất động sản đầu tư	29.6	29.8	-0.7%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.34	0.39	-13.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2.28	2.50	-9.0%
Nợ ngắn hạn	1.50	1.72	-13.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.51	0.52	-2.1%
Nợ dài hạn	0.78	0.78	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	177	176	0.5%
Vốn chủ sở hữu	177	176	0.5%
Vốn điều lệ	86.0	86.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

